

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG ĐẮK LẮK**

Số: 34/CV-MĐDL

V/v đề nghị niêm yết công khai
Giấy phép môi trường của Công ty
Cổ phần Mía Đường Đắk Lắk

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ea Bung, ngày 24 tháng 09 năm 2026

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã Ea Bung

Tên chủ dự án/cơ sở: Công ty Cổ phần Mía Đường Đắk Lắk
Địa chỉ trụ sở chính: Tiểu khu 206, Xã Ea Bung, Tỉnh Đắk Lắk
Điện thoại liên hệ: 0945766723

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
Căn cứ Giấy phép môi trường số 12/GPMT-UBND cấp ngày 06/02/2024 cho
Công ty Cổ phần Mía Đường Đắk Lắk tại Tiểu khu 206, Xã Ea Bung, Tỉnh
Đắk Lắk;

Công ty Cổ phần Mía Đường Đắk Lắk thực hiện nghĩa vụ công khai thông tin
theo quy định pháp luật. Nay chúng tôi kính đề nghị UBND xã Ea Bung hỗ
trợ/hoặc thông báo về việc công khai nội dung Giấy phép môi trường của dự án
như sau:

1. Tên dự án: Công ty Cổ phần Mía Đường Đắk Lắk
2. Nội dung chính của giấy phép môi trường (các loại chất thải phát sinh, công
trình xử lý, thông số giới hạn... hoặc đính kèm bản sao giấy phép).
3. Hình thức công khai: Niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã Ea Bung hoặc
đăng tải trên cổng thông tin điện tử.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công khai là chính xác và trung thực.

Trân trọng kính chào.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG ĐẮK LẮK**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bá Thành

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản số 03/2024/CV đề ngày 23/01/2024 của Công ty Cổ phần Mía đường Đắk Lắk về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy đường Đắk Lắk tại Ea Súp công suất 2.500TMN” địa chỉ tại Tiểu khu 206, xã Ya Tờ Mốt, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk và hồ sơ bổ sung đã chỉnh sửa, bổ sung kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 45/TTr-STNMT ngày 05/02/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Mía đường Đắk Lắk, địa chỉ tại Tiểu khu 206, xã Ya Tờ Mốt, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy đường Đắk Lắk tại Ea Súp công suất 2.500TMN” địa chỉ tại Tiểu khu 206, xã Ya Tờ Mốt, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: Công ty Cổ phần Mía đường Đắk Lắk.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tiểu khu 206, xã Ya Tờ Mốt, huyện Ea Súp, tỉnh

Đắk Lắk.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 6001395552 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận đăng ký lần doanh nghiệp đầu ngày 05/11/2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 30/03/2017.

1.4. Mã số thuế: 6001395552.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất đường.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương dự án đầu tư nhóm I theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích: 245.183,6 m².

- Công suất: 38.750 tấn mía thành phẩm/năm.

- Công nghệ sản xuất:

Tập kết nguyên liệu → Nhập liệu → Xử lý trước khi ép → Ép mía → Làm sạch → Lắng nổi nước mía lọc → Bốc hơi và lắng nổi mật chè → Lắng nổi mật chè sau bốc hơi → Nấu đường và trợ tinh → Ly tâm → Sấy, làm nguội → Đóng bao → Bảo quản, tiêu thụ.

- Sản phẩm chính là đường cát trắng (38.750 tấn/năm); sản phẩm phụ là bã mía và bã bùn (116.250 tấn/năm), mật rỉ (13.562,5 tấn/năm) và tro mía (13.562,5 tấn/năm).

- Nhu cầu nguyên, nhiên liệu: Mía cây 387.500 tấn/năm.

- Thời gian hoạt động của Cơ sở: 05 tháng/năm từ tháng đầu tháng 12 đến hết tháng 04 năm sau.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Mía đường Đắk Lắk.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Mía đường Đắk Lắk có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 2095/GXN-STNMT ngày 27/08/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Ea Súp tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- UBND huyện Ea Súp;
- Công ty Cổ phần Mía Đường Đắk Lắk
(Địa chỉ: Tiểu khu 206, xã Ya Tờ Môt, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk);
- Lưu: VT, NNMT (H. 06b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12 /GPMT-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà điều hành;
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà ăn ca;
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu tập thể 1, 2;
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực sản xuất;
- Nguồn số 05: Nước thải sản xuất từ rửa, hạ nhiệt máy móc, thiết bị và vệ sinh nhà xưởng;

- Nguồn số 06: Nước thải sản xuất từ khu vực ép mía.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận: Sông Ea H'leo (đoạn chảy qua xã Ia Rvê)

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Xã Ia Rvê, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk
- Tọa độ vị trí xả nước thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiều 3°): $X = 419327$; $Y = 1463410$.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $520\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương $21,67\text{m}^3/\text{giờ}$

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý sẽ tự chảy (dựa vào độ dốc) theo đường ống ngầm BTCT D700 dài 3,288km và được xả ngầm ra nguồn tiếp nhận là sông Ea H'leo.
- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục, 24 giờ/ngày đêm trong mùa vụ sản xuất.

2.3.3. Chất lượng nước thải sau khi xử lý phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A với hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	36	02 lần/mùa vụ	Phải thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (hoàn thành chậm nhất là ngày 31/12/2024)
2	pH	-	6,5-8,5		
3	TSS	mg/l	45		
4	COD	mg/l	67,5		
5	BOD ₅	mg/l	27		
6	Tổng N	mg/l	18		
7	Tổng P	mg/l	3,6		
8	Amoni	mg/l	4,5		
9	Sunfua	mg/l	0,18		
10	Clo dư	mg/l	0,9		
11	Tổng Phenol	mg/l	0,09		
12	CN	mg/l	0,063		
13	Coliform	MPN/100ml	2.700		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01, 02, 03, 04: Nước thải từ nhà, khu vực vệ sinh (có xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại 3 ngăn, bao gồm: 02 bể có dung tích 6 m³/bể; 07 bể có dung tích 12 m³/bể) được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.000 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 05: Nước thải sản xuất từ rửa, hạ nhiệt máy móc, thiết bị và vệ sinh nhà xưởng được thu gom bằng hệ thống mương (có tấm đan) xây bằng gạch thẻ dẫn về Bể tiếp nhận (kích thước 15m x 8m x 3m) trước khi đưa vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nguồn số 06: Nước thải sản xuất từ công đoạn xử lý nguyên liệu mía trong khu vực ép mía chảy trên sàn bê tông, vào mương có nắp tấm đan đưa về bể tiếp nhận trước khi đưa vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại 3 ngăn:

- Số lượng: 09 bể (02 bể có dung tích 6 m³/bể; 07 bể có dung tích 12 m³/bể).

- Vị trí: 02 bể ở nhà điều hành; 01 bể ở nhà ăn ca; 04 bể ở nhà tập thể; 01 bể ở khu ép mía; 01 bể ở khu vực bể tuần hoàn.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất → Bể tiếp nhận → Bể điều hòa → Bể kỵ khí UAF → Bể tuần hoàn nước thải → Bể Selector → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng bùn sinh học → Bể keo tụ - tạo bông → Bể lắng bùn hóa lý → Bể khử trùng → Sông Ea H'leo.

- Công suất thiết kế: 1.000 m³/ngày đêm.

- Các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải

+ Bể tiếp nhận: Dung tích thiết kế 360 m³; kết cấu bê tông cốt thép, bên trong sơn chống thấm.

+ Bể điều hòa: Dung tích thiết kế 542,44m³; kết cấu bê tông cốt thép, bên trong sơn chống thấm.

+ Bể kỵ khí UAF: Dung tích thiết kế 1.064m³; kết cấu bê tông cốt thép, bên trong sơn chống thấm.

+ Bể Selector: Dung tích thiết kế 23,805m³; kết cấu bê tông cốt thép, bên trong sơn chống thấm.

+ Bể sinh học hiếu khí: Dung tích thiết kế 1.418,175m³; kết cấu bê tông cốt thép, bên trong sơn chống thấm.

+ Bể lắng bùn sinh học: Dung tích thiết kế 271,57m³; kết cấu bê tông cốt thép, bên trong sơn chống thấm..

+ Bể keo tụ - tạo bông: Dung tích thiết kế 54m³; kết cấu bê tông cốt thép, bên trong sơn chống thấm.

+ Bể lắng bùn hóa lý: Dung tích thiết kế 167,3m³, kết cấu bê tông cốt thép, bên trong sơn chống thấm.

+ Bể khử trùng: Dung tích thiết kế 38,325m³, kết cấu bê tông cốt thép, bên trong sơn chống thấm.

+ Bể tuần hoàn: Dung tích thiết kế 4.836m³, kết cấu bê tông cốt thép, bên trong sơn chống thấm.

+ Hồ sự cố: Dung tích thiết kế 18.130,6m³; kết cấu bê tông cốt thép, bên trong sơn chống thấm.

- Các thiết bị lắp đặt cho hệ thống xử lý nước thải: 06 máy bơm bùn vi sinh; 11 máy bơm nước thải; 02 máy thổi khí; 15 bơm định lượng; 04 máy cầu gạt bùn; 08 bồn đựng hóa chất; 266 đĩa thổi khí.

- Hóa chất sử dụng: Methanol, PAC, NaOH, Ure, NPK, Clorin, Polyme Cation, Polyme Anion.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: 01 hồ sự cố có dung tích 54.980 m³ (có lót bạt HDPE chống thấm) để lưu chứa nước thải trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đã xây dựng phương án, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, rò rỉ hóa chất và sự cố hệ thống xử lý nước thải.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc trong hệ thống xử lý nước thải; thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị quan trắc tự động, liên tục theo đúng quy định.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống và các sự cố khác.

- Cắm các biển báo cấm, biển báo nguy hiểm và lắp đặt rào chắn trên các bờ hồ xung quanh khu vực các hồ xử lý; hạn chế hoạt động ra vào khu vực xử lý nước thải khi không cần thiết;

- Khu vực chứa hóa chất và các vật liệu khác phục vụ cho hệ thống xử lý nước thải phải thông thoáng, có quạt thông gió để hạn chế các sự cố xảy ra.

- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, phải dừng hoạt động xả nước thải sau xử lý ra môi trường. Nước thải vượt quy chuẩn được bơm về hồ sự cố hoặc bể điều hòa để xử lý lại.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố và phải dừng hoạt động, nước thải phát sinh sẽ được bơm về lưu chứa tạm thời tại hồ sự cố; khẩn trương sửa chữa và khắc phục sự cố trong thời gian ngắn nhất để hệ thống xử lý nước thải tập trung hoạt động trở lại. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được bơm về lại bể điều hòa (đầu vào của hệ thống) để xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn theo quy định.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình kỹ thuật và ghi chép vào sổ nhật ký vận hành.

- Định kỳ tổ chức quan trắc, phân tích mẫu nước thải trước và sau xử lý để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình.

- Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý; lập quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm do dự án đã hoàn thành vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk xác nhận tại Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 2095/ GXN-STNMT ngày 27/08/2019.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Nhà máy bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.4.3 Phần A Phụ lục này trước khi đưa vào tái sử dụng theo quy định.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định về bảo vệ môi trường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải. Công trình hệ thống xử lý nước thải tập trung phải đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại khoản 4 Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.5. Hoàn thành hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục trước ngày 31/12/2024.

3.6. Công ty Cổ phần Mía đường Đắk Lắk chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12 /GPMT-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải lò đốt lò hơi
- Nguồn số 02: Khí SO_2 dư từ quá trình sản xuất.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải (Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi giờ 3^0):

- Dòng khí thải ra nguồn tiếp nhận: Nguồn số 01, 02 cùng dẫn vào hệ thống xử lý khí thải, sau đó xả theo đường ống khói cao 40m, đường kính $\varnothing = 01\text{m}$; tọa độ vị trí xả thải: $X = 420381$; $Y = 1460662$.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $95.000 \text{ m}^3/\text{h}$.

2.3. Phương thức xả khí thải:

Các dòng khí thải: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống khói, ống thải, xả liên tục 24/24 giờ trong mùa vụ sản xuất.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, hệ số $K_p=1,0$ và $K_v=1,0$), cụ thể như sau:

- Nguồn số 1: Đảm bảo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, hệ số $K_p=1,0$ và $K_v=1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi	mg/Nm^3	200	01 lần/mùa vụ	Cơ sở cam kết tự nguyện lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động,
2	CO	mg/Nm^3	1000		
3	SO_2	mg/Nm^3	500		

4	NO _x	mg/Nm ³	850	liên tục (các thông số theo Số thứ tự 8, cột 3 Phụ lục XXIX của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
5	H ₂ S	mg/Nm ³	7,5	
6	H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	50	
7	HNO ₃	mg/Nm ³	500	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải; công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.1.1 Nguồn số 01 (Khí thải lò đốt lò hơi):

Khí thải phát sinh từ lò gia nhiệt được thu gom bằng hệ thống chụp hút, sau đó được dẫn vào Cyclone nhờ hệ thống ống dẫn khí để tách bụi trước khi qua tháp hấp thụ. Hiệu suất xử lý của Cyclone đạt 95-98%. Sau đó khí thải được dẫn qua tháp hấp thụ có nhiệm vụ loại bỏ SO₂, NO₂, CO, VOCS... và một phần bụi còn lại.

Tại tháp hấp thụ khí thải đi vào từ đáy tháp và phân tán ra xung quanh bằng chụp thép hình tròn. Khi đó dung dịch hấp thụ được đưa vào tháp theo hướng từ trên xuống bằng bơm định lượng. Dung dịch hấp thụ là dung dịch sữa vôi loãng Ca(OH)₂ dung dịch được pha sẵn chứa trong các thùng chứa, được bơm vào dưới dạng tia nhỏ nhằm tạo điều kiện tiếp xúc tốt nhất giữa khí thải và dung dịch. Khí thải từ đáy tháp đi lên gặp dòng dung dịch từ trên xuống quá trình hấp thụ các khí thải và dung dịch hấp thụ diễn ra kết quả là nồng độ các khí thải được giảm thiểu đáng kể.

Dòng khí thải sau khi qua tháp hấp thụ được quạt hút thổi ra ngoài phát tán ra môi trường nhờ ống khói cao 35-40m đường kính D = 1m. Dung dịch hấp thụ sau khi qua tháp được thu lại bể chứa và tiếp tục được bơm tuần hoàn trở lại tháp hấp thụ cho quá trình phản ứng tiếp theo. Trước khi vào tháp dung dịch này được bổ sung thêm nồng độ Ca(OH)₂ để tạo nồng độ ổn định, thích hợp cho quá trình hấp thụ tiếp theo.

Dung dịch hấp thụ kết hợp với sứ lọc được đặt trong tháp hấp thụ để có thể hấp thụ các chất khí có tính acid như SO_x, NO_x,...hiệu quả của quá trình hấp thụ được tăng lên nhờ quá trình hấp thụ do pha ngược dòng khí thải và dung dịch hấp thụ ngay trong lòng lớp vật liệu tiếp xúc. Dung dịch hấp thụ là Ca(OH)₂.

Hiệu quả xử lý bụi đạt khoảng 80-90% với tất cả các loại dung dịch hấp thụ. Tuy nhiên hiệu quả xử lý các khí ô nhiễm SO₂, NO₂,...thì thay đổi theo dung dịch hấp thụ được chọn. Sau khi hấp thụ nồng độ các khí giảm 70-90% và được phát tán ra môi trường ngoài nhờ ống khói. Dung dịch hấp thụ và bụi được đưa đến bể

lắng tro để lắng các tạp chất rắn trong nước, nước sau khi xử lý được tuần hoàn lại hệ thống khử bụi.

1.1.2. Nguồn số 2 (Khí SO_2 dư từ quá trình sản xuất):

Khí SO_2 dư từ quá trình đốt lưu huỳnh phục vụ sản xuất sẽ được thu gom bằng hệ thống quạt hút dẫn khí SO_2 dư qua hệ thống tháp hấp thụ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ chung của hệ thống xử lý bụi, khí thải: Bụi, khí thải → Cyclon thu hồi bụi → Quạt hút → Tháp hấp thụ khí → Quạt hút → Ống khói → Môi trường không khí.

- Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ (Bảng 1, cột B, Kp = 1,0, Kv = 1,0).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Cơ sở tự nguyện lắp đặt hệ thống quan trắc tự động theo Điều 98 của Luật bảo vệ môi trường và cam kết hoàn thành trước ngày 31/12/2024.

1.4. Biện pháp, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị để thay thế khi các thiết bị xử lý khí thải bị hỏng. Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ lò đốt, lò sấy, có kế hoạch sửa chữa lò đốt và lò sấy khi gặp sự cố.

- Xây dựng các phương án phòng ngừa, khắc phục sự cố cháy nổ, sự cố hệ thống xử lý khí thải.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải gặp sự cố, phải tạm dừng hoạt động để thay thế, sửa chữa hoặc kiểm tra, khắc phục.

- Thực hiện nghiêm các nội quy về an toàn lao động và phòng chống cháy nổ.

- Định kỳ thực hiện quan trắc chất lượng khí thải để theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải do dự án đã hoàn thành vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk xác nhận tại Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 2095/ GXN-STNMT ngày 27/08/2019.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của lò đốt, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.4 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các nguồn phát sinh bụi và khí thải khác (tại khu vực sân bãi; khu vực sản xuất; khu vực lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại; khu vực thu gom, xử lý nước thải) phải được kiểm soát; đảm bảo chất lượng môi trường không khí xung quanh đáp ứng QCVN 05:2023/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí và quy định pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Công ty Cổ phần Mía đường Đắk Lắk chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12 /GPM-T-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2024
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Hoạt động của các thiết bị, máy móc, Cyclonebine phát điện từ khu vực sản xuất.
- Nguồn số 02: Hoạt động của các máy bơm và máy nén từ khâu xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ đại diện: X = 419815; Y = 1460897;
- Nguồn số 02: Tọa độ đại diện: X = 419720; Y = 1460912.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.
- Đối với các nguồn phát sinh độ rung lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi

hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm độ rung.

- Sử dụng thiết bị đúng công suất, không vận hành quá tải.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị, đảm bảo các động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12 /GPMT-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2024
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn vị tính	Số lượng
1	Hộp mực in photo thải	08 02 04	kg/năm	03
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	kg/năm	05
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17 02 03	kg/năm	1.000
4	Bao bì mềm thải (bao bì đựng hóa chất thải)	18 01 01	kg/năm	415
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa (can, phuy đựng hóa chất thải)	18 01 03	kg/năm	10
6	Giẻ lau dính các thành phần nguy hại	18 02 01	kg/năm	100
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại (phuy đựng hóa chất thải)	18 01 02	kg/năm	250
Tổng cộng				1.783

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Bã mía, bã bùn	Tấn/ngày.đêm	750
2	Tro mía	Tấn/ngày.đêm	87,5
3	Mật rỉ	Tấn/ngày.đêm	87,5
Tổng cộng			925

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/ngày)
01	Chất thải không có khả năng tái chế (vỏ trái cây, thực phẩm, thức ăn thừa ...)	25

02	Chất thải có khả năng tái chế (Giấy các loại; vỏ chai nhựa; vỏ chai bằng thủy tinh, vật liệu kim loại khác)	5
	Tổng cộng	30

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa:* Bố trí 22 thùng phuy sắt loại 220 lít (Kích thước: ø572mm, chiều cao: 895mm), được dán nhãn và thải nguy hại theo quy định.

2.1.2. *Kho lưu chứa chất thải nguy hại:*

- Nhà kho lưu chứa có diện tích 20 m² (Kích thước: 4m x 5m).
- Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường bao quanh và mái che, nền xi măng chống thấm; có dán biển cảnh báo theo quy định.

2.1.3. *Biện pháp xử lý:*

- Hợp đồng với Công ty TNHH Thương mại và xây dựng An Sinh (Có giấy phép xử lý chất thải nguy hại do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp) để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định, tần suất thu gom 1 lần/năm.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. *Khu vực lưu chứa:*

- Bố trí khu vực tập kết ngoài trời kích thước 10m x 32,36m để lưu chứa tạm thời tro mía.
- Nhà lưu chứa bã mía, bã bùn là nhà cấp 4, mái tôn, kết cấu bằng thép có kích thước 44m x 38,2m x 10m; có tường bao quanh.
- Bể chứa mật rỉ được nhà máy xây dựng bằng thép không rỉ (kích thước 10m x 10m x 3,14m).

2.2.2. *Biện pháp xử lý:*

- Đốt tro mía: Được thu gom và lưu chứa tại bãi tập kết để lưu chứa tạm thời, sau đó bán cho tổ chức, cá nhân thu mua để làm nhiên liệu sản xuất.
- Đối với bã mía, bã bùn: bã mía, bã bùn phát sinh trong quá trình ép mía và sau quá trình xử lý nước thải được thu gom và phơi khô làm nhiên liệu cho quá trình cấp nhiệt lò hơi, bã mía dư sau quá trình đốt cấp nhiệt lò hơi sẽ được tận dụng bán cho các đơn vị có nhu cầu.
- Đối với mật rỉ: được thu gom bằng băng chuyền và được vận chuyển bằng xe tải và được bơm vào bể sau đó sẽ bán cho các đơn vị có nhu cầu để sản xuất mì chính hoặc cồn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Gồm có 03 thùng chứa loại 15 lít (đặt tại khu vực văn phòng, nhà ăn và khu vực nhà ở công nhân) và 05 thùng chứa có nắp đậy loại 120 lít (Đặt tại khu tập kết chất thải sinh hoạt và tại kho chất thải rắn thông thường).

- Bố trí khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt gần khu vực cổng nhà máy để thuận lợi cho xe rác vào thu gom, vận chuyển đi xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, sự cố trong quá trình vận hành đốt SO_2 .

3. Công ty Cổ phần Mía đường Đắk Lắk có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12 /GPMT-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không có hạng mục, công trình sản xuất và công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý tất cả các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu chứa chất thải phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định pháp luật. Định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, an toàn điện, an toàn hóa chất, an toàn và vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 52 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.